

## KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ), Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ trong thời gian tới, cụ thể như sau:

### I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ.

#### 1. Mục tiêu:

Từng bước hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; góp phần duy trì và nâng xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai trong những năm tiếp theo.

#### 2. Các chỉ tiêu cụ thể:

##### a) Giai đoạn 2019 - 2020:

- Cùng cố, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; hoàn thiện khung pháp lý đầu tư ứng dụng CNTT theo hướng dẫn của Trung ương nhằm tăng cường thuê dịch vụ CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Phát triển, xây dựng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) trên cơ sở Trục liên thông văn bản của tỉnh để kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia theo công nghệ tiên tiến của thế giới làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu... trước hết thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ "V/v gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước" và các Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Bảo hiểm, Đăng ký doanh nghiệp theo lộ trình và hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Ưu tiên sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, xác định đây là hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin Chính phủ điện tử và liên thông, chia sẻ dữ liệu.

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng sở, ngành, địa phương đạt từ 20% trở lên; tích hợp tối thiểu 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các sở, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống Một cửa điện tử liên thông của tỉnh.

- Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; đảm bảo Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- 100% phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của các sở, ngành, địa phương được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản của tỉnh để kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 70% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và quốc gia.

- Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của từng đơn vị, địa phương.

- 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Tiếp tục duy trì và nâng mức xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai, phấn đấu xếp hạng trong nhóm 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước.

#### b) Giai đoạn 2021 - 2025:

- Tiếp tục phát triển các hệ thống nền tảng phát triển Chính phủ điện tử; đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

- Cổng Dịch vụ công, Hệ thống Một cửa điện tử liên thông của tỉnh được kết

nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Công Dịch vụ công của tỉnh và Công Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Công Dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử liên thông của tỉnh được xác thực điện tử.

- 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các sở, ngành, địa phương với Công Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 60% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Chậm nhất đến cuối năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh được triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; chậm nhất đến cuối năm 2025, 80% Ủy ban nhân dân cấp huyện được triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và nâng xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai, phấn đấu xếp hạng trong nhóm 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU.**

**1. Triển khai, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử:**

a) Xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Triển khai Nghị định thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ khi Chính phủ ban hành.

Phổ biến các văn bản hướng dẫn về phương pháp xác định chi phí thuê dịch vụ CNTT, mẫu hợp đồng thuê dịch vụ CNTT và văn bản hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư CNTT, phù hợp với thực tế và đặc thù

ngành CNTT.

b) Phổ biến, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật An ninh mạng; tham mưu các văn bản chỉ đạo thực hiện ở tỉnh.

c) Xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền chính sách thu hút nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai khi Trung ương ban hành chế độ ưu đãi điều kiện làm việc của người hoạt động chuyên trách về ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan nhà nước.

d) Hoàn thiện các Quy chế quản lý, sử dụng các hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

## **2. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử phù hợp với xu thế phát triển Chính quyền điện tử toàn quốc và trên thế giới:**

a) Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với các phiên bản cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được ban hành trong quá trình xây dựng Chính quyền điện tử tại các sở, ngành, địa phương.

b) Phát triển, xây dựng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) trên cơ sở Trục liên thông văn bản của tỉnh theo công nghệ tiên tiến của thế giới làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị, địa phương trong tỉnh và kết nối với nền tảng chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NGSP) để kết nối với các bộ, ngành Trung ương trong năm 2019; tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2020 - 2025.

c) Triển khai đưa vào sử dụng các Cơ sở dữ liệu quốc gia khi các bộ, ngành Trung ương triển khai tại tỉnh như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu Đất đai...

d) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, chia sẻ, khai thác dữ liệu với hệ thống Công Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin khác của các bộ, ngành, địa phương khác, đưa vào sử dụng chính thức từ năm 2020, tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Xây dựng Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, hoàn thành, đưa vào vận hành trong năm 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

e) Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Hệ thống Một cửa điện tử liên thông của tỉnh để phục vụ người dân, doanh nghiệp, triển khai trong năm 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

g) Tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các sở, ngành, địa phương theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng CNTT theo khu vực (thực hiện thuê dịch vụ của các nhà cung cấp hàng đầu tại Việt Nam) nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có,

đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

h) Tiếp tục sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng để xây dựng hệ thống mạng diện rộng (WAN) của tỉnh nhằm đảm bảo an toàn thông tin, làm nền tảng triển khai Chính quyền điện tử.

i) Tiếp tục duy trì, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; vận hành hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP).

**3. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số quốc gia hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số:**

a) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ để triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ tại Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện sau khi có hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

b) Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (ban hành kèm theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

Hoàn thiện Công Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Công Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trong giai đoạn 2019 - 2020 và tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

c) Phối hợp với Bộ Y tế để thực hiện triển khai phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử: kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát thuốc đối với cơ quan quản lý, các cơ sở cung ứng thuốc và cơ sở y tế, triển khai trong giai đoạn 2019 - 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

đ) Triển khai ứng dụng CNTT trong thực hiện chế độ báo cáo theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo trong cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

**4. Xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân:**

a) Thủ trưởng, Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy

ra mắt an toàn, an ninh thông tin, lộ bí mật nhà nước tại đơn vị, địa phương mình quản lý. Không sử dụng thiết bị, máy móc có nguồn gốc xuất xứ không tin cậy, không bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai sử dụng các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, gồm: Hệ thống xử lý tấn công mạng Internet Việt Nam; hệ thống chia sẻ thông tin các cuộc tấn công mạng, mối đe dọa, nguy cơ về an toàn thông tin mạng; hệ thống kiểm định an toàn thông tin; hệ thống giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ an ninh mạng; hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan nhà nước trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính phủ điện tử; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

#### **5. Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính quyền điện tử:**

a) Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử theo hình thức thuê dịch vụ CNTT trọn gói do các doanh nghiệp CNTT cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không sử dụng nguồn vốn vay ODA có điều kiện ràng buộc để triển khai xây dựng hệ thống Chính quyền điện tử.

b) Tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)... trong giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

d) Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính quyền điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (đối với người dân, doanh nghiệp).

e) Triển khai cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử trong bộ máy nhà nước sau khi cấp có thẩm quyền ban hành.

g) Triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền điện tử.

h) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, đặc biệt là các cá nhân, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ Bưu chính công ích.

i) Tích cực triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, thay

đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử.

k) Nghiên cứu, triển khai hợp tác, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử với các tỉnh, thành trong cả nước, bảo đảm đúng pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thế mạnh của các đối tác, không phụ thuộc vào một đối tác duy nhất, đặc biệt trong vấn đề an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo đảm không lộ lọt thông tin, bí mật quốc gia, làm chủ công nghệ và mã nguồn hệ thống.

### **6. Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi:**

Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh.

Trường Ban Chỉ đạo có Tổ công tác giúp việc, đóng vai trò là cơ quan bảo đảm thực thi triển khai việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong đó, Sở Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là hai hạt nhân xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **7. Triển khai Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030”.**

Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

1. Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch hành động này và Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu kèm theo Kế hoạch; căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp);

Thời gian quy định gửi báo cáo hằng năm:

- Quý I: Trước ngày 20/3; số liệu từ 15/12 năm trước đến 14/3 năm báo cáo.
- Quý II: Trước ngày 20/6; số liệu từ 15/3 đến 14/6 năm báo cáo (có cộng lũy kế số liệu 6 tháng).
- Quý III: Trước ngày 20/9; số liệu từ 15/6 đến 14/9 năm báo cáo (có cộng lũy kế số liệu 9 tháng).
- Quý IV: Trước ngày 20/12; số liệu từ 15/9 đến 14/12 năm báo cáo (có cộng lũy kế số liệu cả năm và tổng hợp nhiệm vụ thực hiện cả năm).

Riêng năm 2019, bắt đầu thực hiện và báo cáo từ Quý II.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi việc tham gia xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai của các đơn vị, địa phương, tham mưu Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử của tỉnh trong việc chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch hành động này để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện; tham mưu xây dựng Kế hoạch phát triển, ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 5 năm và hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Sở Tài chính. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án cụ thể do các ngành, đơn vị, địa phương đề xuất và hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Kế hoạch này thay thế cho Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ "về Chính phủ điện tử" (ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai).

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Quốc gia về CPĐT;
  - Văn phòng Chính phủ;
  - Bộ Thông tin và Truyền thông;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Ban Chỉ đạo xây dựng CQĐT của tỉnh;
  - Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
  - Công thông tin điện tử của tỉnh;
  - Lưu: VT, NC, KTTH, KGVX.
- } (Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành



## DANH MỤC

### CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2019-2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)



	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
I	Triển khai, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính quyền điện tử					
1	Xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 04/2/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 12/2019		
2	Triển khai Nghị định thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ khi Chính phủ ban hành	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương			Khi có Nghị định thay thế của Chính phủ
3	Phổ biến các văn bản hướng dẫn về phương pháp xác định chi phí thuê dịch vụ CNTT, mẫu hợp đồng thuê dịch vụ CNTT và văn bản hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư CNTT, phù hợp với thực tế và đặc thù ngành CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương			Theo hiệu lực của Văn bản
4	Phổ biến các văn bản hướng dẫn Luật An ninh mạng. Tham mưu các văn bản chỉ đạo thực hiện ở tỉnh.	Công an tỉnh	Sở TT&TT; Các sở, ngành, địa phương			Theo hiệu lực của Văn bản (thông qua các kênh thông tin và văn bản hướng dẫn)
5	Xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền chính sách	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành,			Theo hướng dẫn của

Số TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
	thu hút nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai khi Trung ương ban hành về chế độ ưu đãi điều kiện làm việc của người hoạt động chuyên trách về ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan nhà nước.	Truyền thông; Số Nội vụ	địa phương			Chính phủ
6	Hoàn thiện các Quy chế quản lý, sử dụng các hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019-2020	2021-2025	
II	<b>Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử phù hợp với xu thế phát triển Chính quyền điện tử trên thế giới</b>					
1	Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với các phiên bản cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được ban hành trong quá trình xây dựng Chính quyền điện tử tại các sở, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019-2020	2021 - 2025	
2	Phát triển, xây dựng nền tảng tích công nghệ tiên tiến hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo của thể giới làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị, địa phương trong tỉnh và kết nối với nền tảng chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NGSP) để kết nối với các bộ, ngành Trung ương trong năm 2019; tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2020 - 2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019	2021 - 2025	

Số TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
3	Triển khai đưa vào sử dụng các Cơ sở dữ liệu quốc gia khi các bộ, ngành Trung ương triển khai tại tỉnh như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu Đất đai...	Công an tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; ...	Các sở, ngành, địa phương		2021 - 2025	Khi có hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương
4	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, chia sẻ, khai thác dữ liệu với hệ thống Công Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin khác của các bộ, ngành, địa phương khác, đưa vào sử dụng chính thức từ năm 2020, tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2020	2021 - 2025	
5	Xây dựng Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	2020	2021 - 2025	
6	Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Hệ thống Một cửa điện tử liên thông của tỉnh để phục vụ người dân, doanh nghiệp, triển khai trong năm 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025	Các sở, ngành, địa phương		2019 - 2020	2021 - 2025	
7	Tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các sở, ngành, địa phương theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng CNTT theo khu vực (thực hiện thuê dịch vụ của các nhà cung cấp hàng đầu tại Việt Nam) nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Các sở, ngành; UBND cấp huyện	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	

Số TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
8	Tiếp tục sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng để xây dựng hệ thống mạng điện rộng (WAN) của tỉnh nhằm đảm bảo an toàn thông tin, làm nền tảng triển khai Chính quyền điện tử	Các sở, ngành; UBND cấp huyện	Các doanh nghiệp Viễn thông	2019 - 2020	2021 - 2025	
9	Tiếp tục duy trì, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; vận hành hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	
10	Triển khai ứng dụng CNTT trong thực hiện chế độ báo cáo theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo trong cơ quan hành chính nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020		Đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ
III	<b>Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số quốc gia hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số</b>					
1	Phối hợp với Văn phòng Chính phủ để triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của Chính phủ tại Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện sau khi có hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	Phù hợp quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018
2	Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (ban hành kèm theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	
3	Hoàn thiện Công Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, tổ chức	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	

Số TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
	thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Công Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trong giai đoạn 2019 - 2020 và tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025					
4	Phối hợp với Bộ Y tế để thực hiện triển khai phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát thuốc đối với cơ quan quản lý, các cơ sở cung ứng thuốc và cơ sở y tế, triển khai trong giai đoạn 2019 - 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025	Sở Y tế	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	
5	Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	Theo hướng dẫn của Bộ TT&TT
<b>IV</b>	<b>Xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân</b>					
1	Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai sử dụng các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, gồm: Hệ thống xử lý tấn công mạng Internet Việt Nam; hệ thống chia sẻ thông tin các cuộc tấn công mạng, mối đe dọa, nguy cơ về an toàn thông tin mạng; hệ thống kiểm định an toàn thông tin; hệ thống giám sát, cảnh báo sớm về	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020		

Số TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
	nguyên cơ an ninh mạng; hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng					
2	Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, địa phương		2021 - 2025	
3	Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính phủ điện tử; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	
V	<b>Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính phủ điện tử</b>					
1	Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính phủ điện tử theo hình thức thuê dịch vụ CNTT trọn gói do các doanh nghiệp CNTT cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không sử dụng nguồn vốn vay ODA có điều kiện ràng buộc để triển khai xây dựng hệ thống Chính phủ điện tử	Các sở, ngành, địa phương	Các cơ quan có liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
2	Tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	

Số TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
	liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)...					
3	Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính quyền điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (đối với người dân, doanh nghiệp)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	Thực hiện liên tục hàng năm
4	Triển khai cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử trong bộ máy nhà nước sau khi cấp có thẩm quyền ban hành	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	
5	Triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền điện tử	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	
6	Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, đặc biệt là các cá nhân, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ Bưu chính công ích	Các sở, ngành; UBND cấp huyện	Bưu điện tỉnh; các đoàn thể; hiệp hội doanh nghiệp	2019 - 2020	2021 - 2025	
7	Tích cực triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông; Đài PT-TH tỉnh; Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Các cơ quan liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
8	Nghiên cứu, triển khai hợp tác, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử với các tỉnh, thành trong cả nước, bảo đảm đúng pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thể	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ; Công an tỉnh và các sở,	Các sở, ngành, địa phương	2019 - 2020	2021 - 2025	

Số TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú	
				2019 - 2020	2021 - 2025		
	mạnh của các đối tác, không phụ thuộc vào một đối tác duy nhất, đặc biệt trong vấn đề an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo đảm không lộ lọt thông tin, bí mật quốc gia, làm chủ công nghệ và mã nguồn hệ thống	ngành liên quan					
<b>VI</b>	<b>Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi</b>						
1	Xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các sở, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	2019-2020	2021-2025		
<b>VII</b>	<b>Triển khai Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030”</b>	Theo Đề án được phê duyệt					

